

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình giá cả thị trường tỉnh Lạng Sơn tháng 6/2020**

#### **1. Tình hình thị trường**

Trong tháng 6/2020, giá cả các loại hàng hóa trên thị trường tỉnh Lạng Sơn cơ bản ổn định, hoạt động mua bán hàng hóa diễn ra bình thường. Đến nay, do trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn chưa có trường hợp lây nhiễm dịch bệnh Covid-19. Do đó, giá cả tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tương đối ổn định. Riêng đối với mặt hàng thịt lợn, do trên địa bàn tỉnh đã xuất hiện, tái phát các ổ bệnh dịch tả lợn Châu Phi, trong điều kiện người dân đang gia tăng tái đàn lợn do đó, giá thịt lợn trong tháng vẫn giữ ở mức cao.

Giá cả của một số mặt hàng vào thời điểm khảo sát thực tế tại chợ Giếng Vuông và chợ Bờ Sông cụ thể như sau: Giá gà sống thối mức 170.000 - 180.000đ/kg, giá vịt làng khoảng 60.000đ/kg, cá rô phi 45.000 đ/kg, cá chép 60.000 đ/kg, cá quả 120.000đ/kg, cá trắm (đen) 85.000đ/kg, bí xanh 15.000đ/kg, chanh 35.000đ/kg, khoai tây 20.000đ/kg, dưa chuột 15.000đ/kg, cà rốt 15.000đ/kg, su hào: 15.000đ/kg,...

Chỉ số giá (CPI) chung toàn tỉnh tháng 6/2020 tăng 7,38% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng một số nhóm hàng sau: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 23,05%; Nhóm giáo dục tăng 7,61%; Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,56%; Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,98%; Nhóm hàng thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,68%.

Chỉ số giá vàng so với tháng trước tăng 1,78% do trong tháng giá vàng thế giới có nhiều biến động, thị trường vàng trong nước giao dịch điều chỉnh giá tăng, giảm theo giá thị trường.

Chỉ số giá đô la Mỹ giảm 0,18% so với tháng trước.

#### **2. Tình hình mặt hàng thịt gia súc tươi sống**

Trong tháng 6/2020, dịch tả lợn châu Phi đã xảy ra tại 42 hộ của 22 thôn thuộc 105 xã trên địa bàn 11 huyện, thành phố. Tổng số lợn chết và tiêu hủy là 2.041 con với tổng trọng lượng là 72.480kg.

Giá thịt lợn trên thị trường tuy có giảm nhẹ so với tháng trước nhưng vẫn ở mức cao, khảo sát ngày 30/6/2020 tại các chợ Bờ Sông, Giếng Vuông, Kỳ Lừa và Chi Lăng cụ thể như sau: Thịt lợn hơi dao động ở mức 92.000đ/kg -

94.000đ/kg; thịt lợn thành phẩm dao động ở mức 160.000đ/kg – 180.000đ/kg (thịt nạc vai: 160.000đ/kg; thịt ba chỉ: 170.000đ/kg; sườn 180.000đ/kg...).

### **3. Diễn biến giá cả một số mặt hàng thiết yếu so với tháng trước tại thời điểm khảo sát (có Biểu kèm theo)**

- Giá xăng, dầu: tăng, giảm theo thị trường thế giới.
- Giá vàng bán ra 4.920.000đ/1chỉ tăng 41.000đ/1chỉ so với tháng trước.
- Giá cả một số mặt hàng thiết yếu tháng 6/2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn chi tiết như biểu kèm theo.

### **4. Dự báo diễn biến tình hình giá cả tháng tiếp theo**

Dự báo trong tháng 7/2020 các loại mặt hàng thiết yếu, tiêu dùng có xu hướng cơ bản ổn định, riêng một số mặt hàng xăng dầu, khí đốt hoá lỏng (LPG) sẽ tiếp tục có những biến động tăng, giảm theo tác động của thị trường thế giới./.

#### ***Nơi nhận:***

- Vụ TTTN Bộ Công Thương;
- UBND tỉnh;
- Sở CT một số tỉnh (trao đổi);
- Lãnh đạo Sở;
- TTKC&XTTM (đăng trên website TMĐT);
- Phòng KH-TH;
- VP Sở (đăng trên website Sở Công Thương);
- Lưu: VT, QLTM.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Liều Anh Minh**

UBND TỈNH LẠNG SƠN  
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIÁ BÁN LẺ MỘT SỐ MẶT HÀNG THIẾT YẾU**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SCT ngày /6/2020  
của Sở Công Thương Lạng Sơn)

STT	Mặt hàng	ĐVT	Tháng trước báo cáo	Thời điểm báo cáo	Mức tăng giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5-4)
<b>1</b>	<b>Điện sinh hoạt</b> (Giá bán điện áp dụng cho điện năng trong khoảng thời gian để hỗ trợ tiền điện do ảnh hưởng dịch Covid-19 theo Công văn số 2739/EVN-KD ngày 16/4/2020 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam)				
	+ Từ 0-50Kw	đ/kw	1.510	1.510	
	+ Từ 51-100Kw	đ/Kw	1.561	1.561	
	+ Từ 101-200Kw	đ/Kw	1.813	1.813	
	+ Từ 201-300Kw	đ/Kw	2.282	2.282	
	+ Từ 301-400Kw	đ/Kw	2.834	2.834	
	+ Từ 401Kw trở lên	đ/Kw	2.927	2.927	
<b>2</b>	<b>Than tổ ong</b>	đ/viên	3.000	3.000	
<b>3</b>	<b>Sắt</b>				
	- Sắt xây dựng	đ/kg	16.000	16.000	
	- Thép hộp mạ kẽm	đ/kg	20.000	20.000	
<b>4</b>	<b>Thép tròn φ6, φ8</b>	đ/kg	11.550	11.550	
<b>5</b>	<b>Ngói Hạ Long</b>	đ/viên	15.000	15.000	
<b>6</b>	<b>Xi măng</b>				
	- Xi măng Lạng Sơn PCB30	đ/tấn	1.010.000	1.010.000	
	- Xi măng Hoàng Thạch PCB30	đ/tấn	1.500.000	1.500.000	
	- Sỏi Xây dựng	đ/khối	180.000	180.000	
	- Cát Xây	đ/khối	230.000	230.000	
	- Cát vàng (loại 1)	đ/khối	360.000	360.000	
	- Cát vàng (loại 2)	đ/khối	340.000	340.000	
	- Cát chất	đ/khối	180.000	180.000	
<b>7</b>	<b>Tại thời điểm báo cáo giá xăng dầu (từ ngày 30/5/2020 đến ngày 30/6/2020 đã có 02 lần điều chỉnh)</b>				
7.1	Ngày 12/6/2020 giá xăng được điều chỉnh				
	- Xăng RON95	đ/lít	13.480	14.460	+980

	- Xăng E5RON92	đ/lít	12.640	13.650	+1.010
	- Dầu Diezen 0,05%	đ/lít	10.950	11.740	+790
7.2	<i>Ngày 27/6/2020 giá xăng được điều chỉnh</i>				
	- Xăng RON95	đ/lít	14.460	15.370	+910
	- Xăng E5RON92	đ/lít	13.650	14.530	+880
	- Dầu Diezen 0,05%	đ/lít	11.740	12.350	+610
<b>8</b>	<b>Phân bón</b>				
	- Phân Đạm UREA	đ/kg	7.500	7.500	
	- Phân NPK-S 12.5.10-14 Lâm Thao	đ/kg	6.520	6.520	
<b>9</b>	<b>Vở học sinh (48 trang)</b>	đ/quyển	11.000	11.000	
<b>10</b>	<b>Đường</b>	đ/kg	23.000	23.000	
<b>11</b>	Mỳ tôm	đ/gói	2.500-3.500	2.500-3.500	
<b>12</b>	Muối	đ/kg	3.000	3.000	
<b>13</b>	Dầu ăn	đ/lít	22.000	22.000	
	- Dầu Neptune	đ/lít	41.500	41.500	
	- Dầu đậu nành Tường An	đ/lít	38.500	38.500	
	- Dầu Cái Lân	đ/lít	29.500	29.500	
	- Dầu Simply Hạt cải	đ/lít	39.000	39.000	
<b>14</b>	Nước (đóng chai)	đ/lít	4.000-5.000	4.000-5.000	
<b>15</b>	Giấy vệ sinh	đ/cuộn	5.000-6.000	5.000-6.000	
<b>16</b>	<b>Lương thực, thực phẩm</b>				
	- Gạo tẻ thường	đ/kg	15.000	15.000	
	- Gạo tẻ thường (gạo Bao thai thường)	đ/kg	17.000	17.000	
	- Gạo bao thai mới Thất Khê	đ/kg	18.000	18.000	
	- Gạo nếp mới Thất Khê	đ/kg	28.000	28.000	
	- Gạo nếp cái hoa vàng	đ/kg	25.000	25.000	
	- Thịt lợn hơi	đ/kg	100.000-103.000	92.000-94.000	-8.000 – 9.000
	- Thịt lợn vai	đ/kg	170.000	160.000	-10.000
	- Thịt mỡ sấn	đ/kg	170.000	160.000	-10.000
	- Thịt ba chỉ	đ/kg	180.000	170.000	-10.000
	- Thịt chân giò	đ/kg	160.000	150.000	-10.000
	- Sườn lợn	đ/kg	190.000	180.000	-10.000
	- Thịt bò (loại 1)	đ/kg	320.000	300.000	-20.000
	- Cá chép (Nuôi)	đ/kg	60.000	60.000	
	- Cá trắm (đen)	đ/kg	85.000	85.000	
	- Gà giò	đ/kg	150.000	150.000	

	- Gà Sổng Thiên	đ/kg	180.000	180.000	
<b>17</b>	<b>Rau, củ, quả các loại</b>				
	- Bắp cải	đ/kg	15.000	15.000	
	- Su hào	đ/kg	15.000	15.000	
	- Hoa thiên lý	đ/lạng	10.000	10.000	
	- Cà rốt	đ/kg	15.000	15.000	
	- Khoai tây	đ/kg	15.000	15.000	
	- Cà chua	đ/kg	15.000	15.000	
	- Chuối tiêu chín	đ/quả	1.000	1.000	
	- Chuối tiêu xanh	đ/quả	3.000	3.000	
	- Cam sành	đ/kg	20.000	20.000	
	- Cam canh	đ/kg	35.000	35.000	
	- Dưa lê	đ/kg	35.000	35.000	
<b>18</b>	<b>Thức ăn chăn nuôi tổng hợp</b>				
	- Cám gà	đ/kg	7.000	7.000	
	- Cám Lợn	đ/kg	10.000	10.000	
	- Ngô hạt	đ/kg	8.000	8.000	